

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 03-7-2020.

V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Tú E**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lý Trương H**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số C, đường P, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Tú E trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Tú E và ông Lý Trương H kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố S, tỉnh

Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông H không lo làm ăn chỉ ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, bà E đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông H không khắc phục. Bà E nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nên bà E yêu cầu được ly hôn với ông Lý Trương H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lâm Tú E và ông Lý Trương H có một người con chung tên Lý Tiến V (nam), sinh ngày 30/7/2014. Hiện nay cháu V đang sống cùng với ông H tại địa chỉ số C, đường P, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, bà Lâm Tú E yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lý Tiến V (nam), sinh ngày 30/7/2014 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Tú E không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho cháu V.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên hòa giải ngày 14/02/2020, tại tòa trình đề ngày 26/02/2020 cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lý Trương H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà E về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Ông H thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần và bà E cũng đã bỏ nhà đi nhiều lần. Nay bà E yêu cầu được ly hôn, ông H đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Lý Trương H và bà Lâm Tú E có một người con chung tên Lý Tiến V (nam), sinh ngày 30/7/2014. Hiện nay cháu V đang sống cùng với ông H tại địa chỉ số C, đường P, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Lý do ông H xin được tiếp tục nuôi cháu V là vì từ tháng 10 năm 2018, khi vợ chồng mâu thuẫn bà E đã bỏ ra nhà trọ sinh sống, công việc của bà E không ổn định đang làm ở Công ty thủy sản Sao Ta Sóc Trăng thì bà E bỏ lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, bà E không có trách nhiệm với con nếu giao con cho bà E thì bà E không có thời gian chăm sóc cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lý Trương H không cầu bà E cấp dưỡng cho cháu V.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán

được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Tú E và ông Lý Trương H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Theo bà E thì trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, do ông H không lo làm ăn chỉ ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, bà E đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông H không khắc phục. Ông H cũng thống nhất lời trình bày của bà E là đúng và cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà E. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà E cho bà E được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lâm Tú E và ông Lý Trương H có một người con chung tên Lý Tiến V (nam), sinh ngày 30/7/2014. Cả bà E và ông H đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy, từ khi sinh ra đến nay cháu V sống chung với bà E, ông H. Từ khi bà E bỏ đi đến nay cháu V vẫn sống chung với ông H, do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông H đưa rước cháu V đi học hàng ngày. Còn bà E thì đi làm từ sáng đến tối mới về, tại phiên Tòa bà E cho rằng trường hợp giao con cho bà E nuôi thì bà E sẽ gửi cháu V về ông bà ngoại nhờ chăm sóc dùm. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu V hiện nay đang sống chung với ông H, cuộc sống của cháu đang ổn định và cũng phù hợp với điều kiện học tập của cháu và tiện cho việc ông H đưa rước cháu đi học, tiện chăm sóc cháu V. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà E, giao cháu V cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà E cấp dưỡng cho cháu V nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lâm Tú E phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Tú E với ông Lý Trương H.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Tiến V (nam), sinh ngày 30/7/2014 cho ông Lý Trương H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Tú E không cấp dưỡng cho cháu V.

Bà Lâm Tú E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Lý Tiến V (nam), sinh ngày 30/7/2014 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà Lâm Tú E với ông Lý Trương H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lâm Tú E với ông Lý Trương H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lâm Tú E phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà E đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001534 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà E đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường N, TPST, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan